TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 03 - 11 - 2022.
V/v ly hôn giữa chị L và anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Trần Quang Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2022/QĐST-DS ngày 14/10/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quan Thị Trúc L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà 82, đường T, Khóm H, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Đăng K, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 82, đường T, Khóm H, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 7 năm 2022 nguyên đơn chị Quan Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Lưu Đăng K sau thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2016, chị cùng anh K chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên chị L yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh K. Chị L và anh K chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lưu Gia B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2017 và Lưu Gia H, sinh ngày 17/12/2018. Khi ly hôn chị L

yêu cầu được nuôi cháu H, yêu cầu anh K nuôi cháu B, hai bên không cần cấp dưỡng cho nhau.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh Lưu Đăng K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quan Thị Trúc L và anh Lưu Đăng K kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên chị Linh có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh K, anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, anh K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo chứng cứ do chị L cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị L và anh K có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 2016. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị L và anh K sống ly thân, anh K được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh K là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị và anh K chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lưu Gia B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2017 và Lưu Gia H, sinh ngày 17/12/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Gia H, yêu cầu anh K nuôi cháu Gia B, hai bên không cần cấp dưỡng cho nhau.

Xét thấy, hiện nay 02 người con do chị L nuôi dưỡng, anh K được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án, do đó không rõ cuộc sống anh K như thế nào, có đảm bảo đều kiện để nuôi con hay không, không có căn cứ để giao con cho anh K nuôi dưỡng. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu, các cháu cũng còn nhỏ, nên để cho chị L nuôi cả hai người con là có căn cứ, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó chị L phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Quan Thị Trúc L ly hôn anh Lưu Đăng K.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lưu Gia B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2017 và Lưu Gia H, sinh ngày 17/12/2018 cho chị L nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh K, nhưng nếu anh K lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh K.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Quan Thị Trúc L nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0001374 ngày 26/7/2022, chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường N, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.